

Số: 27 /2022/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu ngày 09 tháng 9 năm 2022 về việc đồng ý việc sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Bạc Liêu (Công văn số 2439-CV/VPTU của Văn phòng Tỉnh ủy);

Thực hiện Công văn số 69/HĐND ngày 16/9/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thống nhất Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 316/TTr-STC ngày 22 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Bổ sung tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Điều chỉnh chủng loại xe, mức giá xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.



(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 10 năm 2022./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thiệu

Nơi nhận: *KL*

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý công sản (*Bộ Tài chính*);
- Cục Kiểm tra VB (*Bộ Tư pháp*);
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy - HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (*tự kiểm tra*);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh; *vu*
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Thoa, HY (QĐUB24).

Phụ lục I

**BỔ SUNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH BẠC LIÊU**

(Kèm theo Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa/01xe | Ghi chú |
|----------|---|---|---------------------|-------------------|---------------------|---------|
| 1 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | |
| | - Trung tâm Giống nông nghiệp | Vận chuyển lúa giống, vật tư nông nghiệp để thử nghiệm, lai tạo giống lúa, đến hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất lúa giống ở vùng nông thôn trong tỉnh; phục vụ đi công tác đến các viện, trường và cơ sở sản xuất để hợp tác nghiên cứu, lai tạo giống nông nghi | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| | - Chi cục Chăn nuôi thú y | Hoạt động phòng chống dịch bệnh đối với thú sản và gia súc, gia cầm | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| | - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Chuyên chở vật tư thuốc bảo vệ thực vật phục vụ phòng, chống dịch bệnh lúa, hoa màu, cây ăn trái, ... | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| | - Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn | Vận chuyển vật tư, thiết bị chuyên ngành nước để lắp đặt, sửa chữa khắc phục sự cố đường ống nước sạch. | - Xe ô tô tải 5 tấn | 1 | 520.000.000 | |
| | - Ban Quản lý Rừng đặc dụng và phòng hộ ven biển | Hoạt động kiểm tra, tuần tra bảo vệ rừng | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa/01xe | Ghi chú |
|----------|---|--|--------------------------------|-------------------|---------------------|---------|
| 2 | Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch | | | | | |
| | - Bảo tàng tỉnh | Vận chuyển hiện vật, tư liệu, hình ảnh phục vụ triển lãm, tuyên truyền lưu động | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| 3 | Sở Tài nguyên và Môi trường | | | | | |
| | Văn phòng Đăng ký đất đai | Phục vụ công tác chuyên chở thiết bị đo đạc địa chính để kiểm tra, xác nhận sơ đồ nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chở phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ... | - Xe ô tô bán tải | 1 | 720.000.000 | |
| 4 | Đài Phát thanh truyền hình | | | | | |
| | | Truyền hình trực tiếp chương trình | - Xe ô tô truyền hình lưu động | 1 | 15.000.000.000 | |
| 5 | Trung tâm Dịch vụ đô thị tỉnh | | | | | |
| | | Vận chuyển rác thải rắn | - Xe ô tô tải ben 4300 kg | 1 | 850.000.000 | |
| 6 | UBND thành phố Bạc Liêu | | | | | |
| | - Trung tâm Văn hóa Thể thao | Phục vụ công tác thông tin lưu động, chở thiết bị âm thanh ánh sáng. | - Xe ô tô tải 1 - 5 tấn | 2 | 450.000.000 | |
| 7 | UBND huyện Vĩnh Lợi | | | | | |
| | - UBND Thị trấn Châu Hưng (đô thị loại IV) | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 -5 tấn | 1 | 450.000.000 | |
| | Tổng cộng | | | 12 | | |

Ghi chú: Mức giá xe ô tô nêu trên là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các khoản chi phí đầu tư liên quan.

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH CHỦNG LOẠI, GIÁ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH BẠC LIÊU**

(Kèm theo Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Đã phê duyệt tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh | | | Nay điều chỉnh | | | |
|----------|---------------------------------------|--|---|-------------------|------------------------------|--|-------------------|------------------------------|--|
| | | | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa một xe (đồng) | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa một xe (đồng) | Lý do điều chỉnh |
| 1 | Sở Giao thông vận tải | | | | | | | | |
| | - Đoạn Quản lý đường bộ và đường sông | Phục vụ công tác đảm bảo an toàn giao thông và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ | - Xe ô tô tải 5 tấn | 1 | 450.000.000 | - Xe ô tô tải 5 tấn (<i>tài ben</i>) | 1 | 510.000.000 | Điều chỉnh chủng loại xe ô tô tải 5 tấn thành xe ô tô tải 5 tấn (tài ben) để đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ công tác đảm bảo an toàn giao thông và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; do đó, mức giá tối đa tăng theo (có báo giá đính kèm) |
| 2 | Trường Cao đẳng Nghề | | | | | | | | |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tập lái 4-8 chỗ (<i>hạng B2</i>) | 46 | 750.000.000 | - Xe ô tô tập lái <u>đến 9 chỗ ngồi</u> (<i>hạng B2</i>) | 46 | 750.000.000 | Điều chỉnh theo quy định tại: - Khoản 4, Điều 59 Chương V Luật GTĐB. |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tải 1 - 3 tấn (<i>hạng B2</i>) | 6 | 360.000.000 | - Xe ô tô tải có trọng tải <u>dưới 3.500 kg</u> (<i>hạng B2</i>) | 6 | 360.000.000 | |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Đã phê duyệt tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh | | | Nay điều chỉnh | | | |
|----------|--------------------------------|--|---|-------------------|------------------------------|---|-------------------|------------------------------|--|
| | | | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa một xe (đồng) | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa một xe (đồng) | Lý do điều chỉnh |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô tải từ 5 - 7 tấn (hạng C) | 19 | 850.000.000 | - Xe ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kg trở lên (hạng C) | 19 | 850.000.000 | - Khoản 02, Điều 06 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP. - Điều 16, Phần III, Chương I Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ GTVT |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô 16 chỗ ngồi (hạng D) | 2 | 1.200.000.000 | - Xe ô tô từ 10 đến 30 chỗ ngồi (hạng D) | 2 | 1.200.000.000 | |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô 29 chỗ ngồi (hạng D) | 2 | 1.600.000.000 | - Xe ô tô từ 10 đến 30 chỗ ngồi (hạng D) | 2 | 1.600.000.000 | |
| | | Dạy và học lái xe ô tô | - Xe ô tô 30-50 chỗ ngồi (hạng E) | 2 | 2.500.000.000 | - Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi (hạng E) | 2 | 2.500.000.000 | |
| 3 | UBND thành phố Bạc Liêu | | | | | | | | |
| | - UBND Phường 1 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải 1-5 tấn | 1 | 450.000.000 | Điều chỉnh xe ô tô tải 1 tấn thành xe ô tô tải 1-5 tấn, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ công tác; do đó, điều chỉnh mức giá tối đa từ 220 triệu đồng phù hợp với giá xe ô tô tải (1-5 tấn) đã phê duyệt |
| | - UBND Phường 2 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải 1-5 tấn | 1 | 450.000.000 | |
| | - UBND Phường 3 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải 1-5 tấn | 1 | 450.000.000 | |
| | - UBND Phường 5 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải 1-5 tấn | 1 | 450.000.000 | |

| TT | Tên đơn vị | Đối tượng sử dụng | Đã phê duyệt tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của UBND tỉnh | | | Nay điều chỉnh | | | |
|----|-----------------------|--|---|-------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------|------------------------------|------------------|
| | | | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa một xe (đồng) | Chủng loại xe | Số lượng (tối đa) | Mức giá tối đa một xe (đồng) | Lý do điều chỉnh |
| | - UBND Phường 7 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải <u>1- 5 tấn</u> | 1 | 450.000.000 | |
| | - UBND Phường 8 | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải <u>1- 5 tấn</u> | 1 | 450.000.000 | |
| | - UBND Phường Nhà Mát | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải <u>1- 5 tấn</u> | 1 | 450.000.000 | |
| | Phòng Quản lý đô thị | Phục vụ thanh tra, kiểm tra trật tự đô thị | - Xe ô tô tải 1 tấn | 1 | 220.000.000 | - Xe ô tô tải <u>1- 5 tấn</u> | 1 | 450.000.000 | |

Ghi chú: Mức giá xe ô tô nêu trên là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các khoản chi phí đầu tư liên quan